

DVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
41	Đường Phạm Lạc	650	430	330	180	1.300	850	700	550	650	430	350	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
42	Đường Huỳnh Văn Nghệ	1.100	750	600	400	2.700	1.500	1.200	800	1.350	750	600	400	Đề xuất tăng do đường mới nâng cấp, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
43	Đường Đào Trí Phú	1.150	800	550	400	2.800	1.600	1.100	800	1.400	800	550	400	Đề xuất tăng do đường mới làm, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
48	Đường Chu Văn An													
	- Đoạn từ đường Võ Duy Dương đến giáp đường 21 tháng 4	1.000	750	550	250	2.000	1.500	1.100	600	1.000	750	550	300	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
50	Đường Phạm Ngọc Thạch													
	Đoạn từ đường 21 tháng 4 đến đường Lương Đình Của	1.000	750	550	250	2.000	1.500	1.100	600	1.000	750	550	300	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
53	Đường Phạm Ngũ Lão	1.000	750	550	200	2.000	1.500	1.100	550	1.000	750	550	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
56	Đường Phan Huy Chú	750	550	400	180	1.500	1.100	800	550	750	550	400	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
57	Đường Lê Hữu Trác	750	550	400	180	1.500	1.100	800	550	750	550	400	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
58	Đường Lương Thế Vinh	750	550	400	180	1.500	1.100	800	550	750	550	400	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
59	Đường Đoàn Thị Điểm	750	550	400	180	1.500	1.100	800	550	750	550	400	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

DVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
60	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn qua phường Xuân Bình)	1.000	750	550	200	2.000	1.500	1.100	550	1.000	750	550	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
61	Đường Võ Duy Dương	1.000	750	550	200	2.000	1.500	1.100	550	1.000	750	550	280	Giữ nguyên giá để ổn định so với khu vực, Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
62	Đường Lương Đình Của	1.000	750	550	200	2.000	1.500	1.100	550	1.000	750	550	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
63	Đường Nguyễn Trung Trực													
	- Đoạn đầu đến giáp đường Hồ Thị Hương	1.000	750	550	250	2.000	1.500	1.100	600	1.000	750	550	300	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương đến giáp Cầu Suối Cải	750	600	400	180	1.500	1.200	800	550	750	600	400	280	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3